

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Thời gian 9h30 ngày 06 tháng 12 năm 2024

Địa điểm: Phòng họp số 2, tầng 5, phòng 503, Nhà 130 Lê Duẩn, TP Hà Nội

-
- | | |
|-------------|--|
| 7h30 - 9h30 | - Đón tiếp đại biểu và cổ đông.
- Kiểm tra tư cách cổ đông. |
|-------------|--|
-

- | | |
|--------------|--|
| 9h30 - 10h00 | - Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu.
- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
- Hướng dẫn nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội (<i>Hướng dẫn thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>).
- Bầu đoàn Chủ tọa (<i>Thông qua số lượng, Danh sách bằng Thẻ biểu quyết</i>).
- Chủ tọa cử Ban thư ký và bầu Ban kiểm phiếu (<i>Thông qua số lượng, Danh sách Ban kiểm phiếu bằng Thẻ biểu quyết</i>).
- Chủ tọa công bố chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức của Đại hội (<i>Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội bằng Thẻ biểu quyết</i>) |
|--------------|--|
-

Miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT

- | | |
|---------------|---|
| 10h00 - 10h15 | - Trình bày Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- Trình bày và biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT. (<i>thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>)
- Trình bày danh sách ứng cử viên đủ tiêu chuẩn tham gia HĐQT theo các hồ sơ đề cử/ứng cử mà các Cổ đông đã gửi về Công ty (<i>Thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>).
- Tiến hành bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029
- Kiểm phiếu bầu cử. |
|---------------|---|
-

10h15 -10h30	Trình bày các Báo cáo, tờ trình: - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án năm 2024, kế hoạch cổ tức tháng 11,12/2024 - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 - Tờ trình mức lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tháng 11,12/2024. - Tờ trình thông qua nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Tờ trình thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
10h30 - 10h45	- Thảo luận và biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày tại Đại hội, bằng Phiếu biểu quyết. - Kiểm Phiếu biểu quyết.
10h45 - 11h00	- Giải lao (tiệc trà)
11h00 - 11h15	- Công bố kết quả kiểm Phiếu bầu thành viên HĐQT - Công bố kết quả kiểm Phiếu biểu quyết
11h15 - 11h30	- Ban Thư ký đọc Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội (<i>thông qua Biên bản Đại hội bằng thẻ biểu quyết</i>) (<i>thông qua Nghị quyết Đại hội bằng Thẻ biểu quyết</i>)
	- Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2024

NGUYÊN TẮC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải đường sắt

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết và các nội dung hợp của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt (sau đây gọi tắt là Công ty) theo quy tắc và thể lệ sau đây:

1. Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết khi Đoàn Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

a) Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết.
- Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu.
- Chương trình Đại hội.
- Quy chế tổ chức Đại hội.
- Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt.

- Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt.

- Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội trong trường hợp không dùng Phiếu Biểu quyết (nếu có).

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án, kế hoạch cổ tức tháng 11, tháng 12 năm 2024.

- Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024.

- Thông qua Tờ trình phương án và mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát tháng 11, 12 năm 2024.

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Thẻ/Phiếu biểu quyết là Thẻ/Phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt, được phát cho cổ đông khi tham dự Đại hội.

3. Để thuận lợi và nhanh chóng trong công tác kiểm phiếu, Đại hội sử dụng tờ Thẻ/Phiếu biểu quyết được in sẵn trong đó có các thông tin: mã đại biểu tham dự, số phiếu biểu quyết (01 cổ phần sở hữu/đại diện tương ứng 01 phiếu biểu quyết). Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được ủy quyền được phát 01 (một) Phiếu biểu quyết và 01 (một) Thẻ biểu quyết. Việc thu và kiểm Thẻ/Phiếu biểu quyết do Ban Kiểm phiếu thực hiện.

4. Kết quả biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến là tổng số cổ phần sở hữu được tổng cộng từ các tờ Thẻ/Phiếu biểu quyết tương ứng.

5. Quy định về Thẻ/Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Các Thẻ/Phiếu biểu quyết có một trong những yếu tố sau đây là Thẻ/Phiếu không hợp lệ:

- Không do Ban Tổ chức phát hành theo mẫu quy định;
- Rách, không còn nguyên vẹn hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho việc kiểm phiếu;
- Để trống không ghi ý kiến hoặc lựa chọn đồng thời hai phương án trở lên.

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua./.



**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt (sau đây gọi tắt là Công ty).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các Điều, khoản tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 15/11/2024 được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

2. Quyền của các cổ đông hợp lệ đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

b) Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhận một Thẻ biểu quyết, một Phiếu biểu quyết (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình) và 01

phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt. Giá trị biểu quyết của Thẻ/Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. Giá trị bầu cử của phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu sẽ tương ứng số cổ phiếu có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện nhân với số ứng viên được bầu tương ứng.

đ) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;

e) Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận bằng cách giơ tay phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;

f) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến sau khi cuộc họp đã được khai mạc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

a) Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty và thực hiện quyền biểu quyết;

b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;

c) Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo Thư mời họp, CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương. Giấy ủy quyền, Thư mời họp của cổ đông ủy quyền (nếu là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) để xuất trình cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông khi đăng ký tham dự và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội theo quy định.

d) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Công ty đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu, Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký

1. Ban tổ chức Đại hội đề cử Đoàn chủ tọa để Đại hội thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm chủ tọa Đại hội, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội

đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

3. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ

5. Ban thư ký: Ban thư ký do Chủ tọa Đại hội cử thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử các thành viên Ban kiểm phiếu gồm năm (05) người và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện cổ đông; Tổ chức kiểm phiếu; Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trình bày.

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ được tổ chức 1/2 ngày (chính thức).

a) Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết.
- Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu.
- Chương trình Đại hội.

- Quy chế tổ chức Đại hội.
 - Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt.
 - Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt.
 - Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
 - Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội trong trường hợp không dùng Phiếu Biểu quyết (nếu có).
- b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án, kế hoạch cổ tức tháng 11, tháng 12 năm 2024.
 - Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024.
 - Thông qua Tờ trình phương án và mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát tháng 11, 12 năm 2024.
 - Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9. Thông qua quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; tổ chức lại, giải thể Công ty, thanh lý Công ty; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh; dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề khác được thông qua khi có từ trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc gửi Biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Công ty.

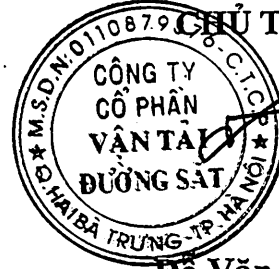
Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 5 Chương 11 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Văn Hoan

TỜ TRÌNH

***V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty
cổ phần vận tải đường sắt nhiệm kỳ 2024 -2029***

Kính thưa quý cổ đông!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng Khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải đường sắt đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Căn cứ đơn từ nhiệm của ông Thái Văn Truyền - thành viên HĐQT Công ty

Ngày 18/11/2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt đã nhận được đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Thái Văn Truyền vì lý do: Thực hiện chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh khai thác đường sắt Sài Gòn đối với ông Thái Văn Truyền theo nội dung Nghị quyết số 21-24/NQ - HĐTV ngày 04/11/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN.

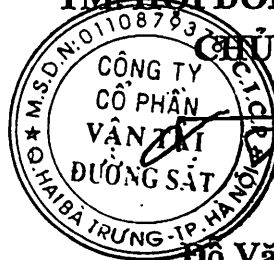
Theo quy định tại khoản 2 điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người, hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 04 người. Sau khi miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Thái Văn Truyền, khi đó Hội đồng quản trị Công ty chỉ còn 03 thành viên như vậy số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không đáp ứng để hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định tại điểm a khoản 4 Điều 160 Luật doanh nghiệp.

Do vậy, Hội đồng quản trị xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Thái Văn Truyền và bầu bổ sung (02) thành viên Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội xem xét./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu

Số lượng thành viên HĐQT được bầu là hai (02) thành viên

Điều 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm (2024 - 2029).
Thành viên của Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

Điều 5. Tiêu chuẩn trở thành Thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty ĐSVN, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty ĐSVN.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Đơn xin đề cử (ứng cử) tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu).

2. Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh).

3. Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.

4. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT, phải gửi về Công ty trước ngày 03/12/2024

Điều 8. Nguyên tắc bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

2. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu/đại diện ủy quyền nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 9. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:

a) Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt, không cạo, sửa, tẩy, xóa;

b) Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;

c) Tổng số quyền cổ đông bầu cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

a) Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;

b) Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội thông qua;

c) Tổng số quyền biểu quyết của cổ đông bầu cho tất cả ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;

d) Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;

đ) Điểm bầu ghi bằng %.

3. Phiếu trắng: Phiếu không bỏ cho ứng cử viên nào.

Điều 10. Điều kiện trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị.

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là người có số phiếu bầu cử hợp lệ tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

3. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất

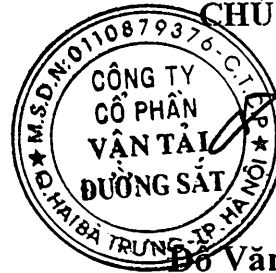
đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 




Đỗ Văn Hoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
Căn cứ Quy chế Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty.
Căn cứ Hồ sơ đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị Công ty nhận được tính đến ngày 3/12/2024.
Danh sách ứng viên để Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 -2029 cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Địa chỉ
1.	Ông Nguyễn Hữu Thành	06/10/1976	Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần VTĐS	Nhà 15, ngách 40/19 phố Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
2.	Ông Hà Trọng Thắng	15/9/1969	Giám đốc Chi nhánh khai thác đường sắt Sài Gòn	16 Nguyễn Công Hoan, phường 7, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BAN TỔ CHỨC

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

*V/v Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển,
lợi nhuận và cổ tức tháng 11 + 12 năm 2024
của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt*

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn;

Căn cứ Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển 10 tháng đầu năm 2024 của hai Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Sài Gòn,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, lợi nhuận và cổ tức tháng 11 + 12, quý IV, năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (Tháng 11 + 12)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024 (Tháng 11+12)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	662 485
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	nt	655 777
a	<i>Doanh thu vận tải</i>	<i>nt</i>	<i>559 304</i>
b	<i>Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải và kinh doanh khác</i>	<i>nt</i>	<i>84 766</i>
c	<i>Doanh thu cung cấp sản phẩm tác nghiệp</i>	<i>nt</i>	<i>11 687</i>
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	nt	1 036
1.3	Thu nhập khác (thanh lý tài sản,...)	nt	5 692
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	662 333
2.1	Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	nt	650 983
2.2	Chi phí tài chính	nt	10 674
2.3	Chi phí khác	nt	676
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	152
4	Tổng số lao động sử dụng bình quân	Người	4 744
5	Tiền lương bình quân của người lao động	Đồng/ tháng	10 880 000

* Kế hoạch phân phối lợi nhuận : Năm 2024, Công ty không chi trả cổ tức *trung*

II. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 (Tháng 11+12)

1. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện kế hoạch:

- Ưu tiên cân đối đủ nguồn vốn đối ứng, vốn thanh toán cho các dự án đầu tư phát triển đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày 31/10/2024; vốn chuẩn bị đầu tư các dự án toa xe.

- Ưu tiên triển khai các dự án đầu tư nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, năng lực kinh doanh vận tải, bao gồm: dự án đóng mới, cải tạo nâng cấp toa xe; xây dựng công trình và mua mới máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa toa xe và tác nghiệp đầu cuối vận tải,...

- Ưu tiên các dự án mở rộng liên danh, liên kết để thực hiện xã hội hóa đầu tư cho vận tải.

2. Tổng hợp kế hoạch đầu tư phát triển (Phụ lục số 03)

a) Nguồn vốn trích khấu hao TSCĐ được sử dụng năm 2024: 34 tỷ 900 triệu đồng.

b) Kế hoạch bố trí sử dụng vốn khấu hao TSCĐ năm 2024: 34 tỷ 900 triệu đồng, trong đó:

- Trả nợ gốc vốn vay cho các dự án đầu tư đã hoàn thành các năm trước: 10 tỷ 465 triệu đồng (Phụ lục số 04)

- Vốn bố trí cho các dự án đầu tư năm 2024: 24 tỷ 435 triệu đồng.

- Dự phòng vốn dự án phát sinh (nếu có): 0 đồng.

c) Kế hoạch danh mục dự án đầu tư phát triển năm 2024 :

- Kế thừa danh mục dự án đầu tư đã thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đến thời điểm 31/10/2024 chưa hoàn thành quyết toán/hoặc đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư của Công ty VTHN (Nghị quyết số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024) và Công ty VTSG (Nghị quyết số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2024). Công ty đã tiến hành rà soát tính cấp thiết từng dự án phục vụ sản xuất và xin tiếp tục triển khai thực hiện 13 danh mục dự án với tổng mức đầu tư dự kiến là 203 tỷ 790 triệu đồng, đồng thời bố trí vốn 24 tỷ 210 triệu đồng cho 13 danh mục dự án này (Phụ lục số 01).

- Trình Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện 01 dự án đầu tư mới với tổng mức đầu tư dự kiến là 40 tỷ đồng, đồng thời bố trí vốn chuẩn bị đầu tư năm 2024 cho dự án này là 225 triệu đồng.

2.4. Kế hoạch huy động vốn xã hội hóa đầu tư hoán cải, cải tạo và nâng cấp toa xe năm 2024:

Kế thừa danh mục dự án đầu tư huy động nguồn vốn xã hội hóa đã thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đến thời điểm 31/10/2024 đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư của Công ty VTHN (Nghị quyết số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024). Công ty xin tiếp tục triển khai thực hiện 08 danh mục dự án với tổng mức đầu tư dự kiến là 267 tỷ 600 triệu đồng (Phụ lục số 02).

3. Tổ chức thực hiện

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty

- Triển khai các bước lập dự án, quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án (bao gồm cả các dự án thực hiện theo phương thức xã hội hóa) đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan

- Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư phát triển nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

Phụ lục số 01

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024 (Tháng 11 +Tháng 12)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Quy mô, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật	Dự kiến Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Vốn khấu hao TSCĐ năm 2024 (triệu đồng)	Địa điểm đầu tư	Ghi chú
I. Công ty VTHN trước đây			183 390	5 310		
1	Máy tiện vạt năng Inverter PHSPL 1500	Đầu tư mới 01 máy tiện vạt năng - Đường kính tiện qua băng máy 520 mm - Đường kính tiện qua bàn xe dao 330 mm - Công suất động cơ chính 7.5 HP - Công suất động cơ bơm làm mát 0.125 HP - Hành trình băng trên bàn xe dao 125 mm - Hành trình ngang của bàn xe dao 275 mm - Chiều dài băng máy 1500 mm - Nguồn điện 3 Pha/380V/50Hz	940	860	Chi nhánh Toa xe Vinh	+ Công ty VTHN đã phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định số 518/QĐ-VTHN ngày 21/8/2024); + Tháng 10/2024 đăng tải TBMT đấu thầu rộng rãi, qua mạng: Mua mới 01 máy tiện; + Tháng 11/2024 ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu + Dự án hoàn thành QI/2025
2	Ky thủy lực 50 tấn (1 chiều)	- Số lượng: mua mới 07 bộ ky thủy lực 50 tấn 01 chiều. - Bơm điện ZU4; điện áp 220V- 50HZ. - Xi lanh 50 tấn 2 chiều, hành trình Max: 510 mm. - 02 bộ dây dẫn thủy lực dài 3m. Đồng hồ phi 100mm dài đo 700bar/10000psi. - Van khóa đồng bộ.	980	850	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	+ Công ty VTHN đã phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định số 488/QĐ-VTHN ngày 12/8/2024); + Tháng 10/2024 ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu; thời gian cung cấp hàng hóa: 60 ngày + Dự án hoàn thành QI/2025

3	Máy hàn gờ bánh toa xe	- Đầu tư mới 01 hệ thống thiết bị máy hàn gờ bánh toa xe: + Bộ gá trục bánh xe. + Hệ thống ra dây bán tự động + Máy hàn bán tự động.	522	490	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	- Dự án: + Công ty VTHN đã phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định số 556/QĐ-VTHN ngày 13/9/2024); + Tháng 10/2024 đăng tải TBMT đấu thầu rộng rãi, qua mạng: Mua mới máy hàn gờ và bộ gá trục bánh toa xe + Tháng 11/2024 ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu + Dự án hoàn thành QI/2025
4	Bộ thử van LV3	- Đầu tư mới 01 hệ thống thiết bị kiểm tra van LV3 theo tiêu chuẩn chế tạo,	870	790	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	- Dự án: + TGD Công ty VTHN trình Hội đồng quản trị Công ty VTHN cho phép chuẩn bị đầu tư (Tờ trình số 2125/TTr-VTHN ngày 26/9/2024).
5	Hoán cải toa xe khách thành toa xe chở hành lý	Hoán cải 06 toa xe B80 (hoặc toa xe phát điện) thành toa xe chở hành lý	950	950	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	- Dự án: + TGD Công ty VTHN đã phê duyệt chi phí tư vấn lập, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. - án đầu tư (Quyết định số 374/QĐ-VTHN ngày 27/6/2024);

6	- Lắp khung sắt mái tôn kéo dài nhà xưởng sửa chữa toa xe đường 15-16	Phần xây dựng + Chiều dài 66 m x chiều rộng 15 = 990m ² nhà xưởng + Móng cột, cột thép + Đổ bê tông mặt nền mác P300 + Vỉ kèo. + Lợp mới mái tôn và diềm tôn 0,45mm ốp dọc phía ngoài 2 bên nhà xưởng tổng diện tích 1837m ² . + Hệ thống thoát nước - Hệ thống điện phục vụ sản xuất - Thiết bị Hệ thống Pa lăng cố định 2 tấn phục vụ sản xuất	3 848	570	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	- Dự án: + Công ty VTHN đã phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định số 135/QĐ-VTHN ngày 02/8/2024); + Đã bàn giao mặt bằng thi công ngày 30/10/2024, + bổ sung vốn khấu hao TSCĐ năm 2025: 3 tỷ đồng. + Dự án hoàn thành Q1/2025
7	Đầu tư mới toa xe Hàng -giai đoạn 2022-2023 khổ đường 1000mm	Đóng mới 50 toa xe G	95 880	400	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	- Dự án: + Công ty VTHN đã ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn lập, thẩm tra Báo cáo NCKT dự án; hoàn thành lập Báo cáo thẩm định. + Người đại diện vốn có văn bản trình Hội đồng thành viên V/v: chấp thuận Báo cáo NCKT dự án (Tờ trình số 130/TTr-HĐQT ngày 03/11/2023); + Hội đồng thành viên TCT ĐSVN có văn bản số 2443/ĐS-KHKD ngày 07/8/2024 cho ý kiến về dự án. + Bố trí vốn 400 triệu đồng thực hiện bước chuẩn bị đầu

						tư. + Dự án tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo.
8	Đầu tư mới toa xe Hàng -giai đoạn 2023-2024	Đóng mới toa xe Mc	79 400	400	Chi nhánh Toa xe Hàng (nay là Chi nhánh Toa xe Hà Nội)	- Dự án: + Hội đồng quản trị Công ty VTHN đã ban hành Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư (Quyết định số 76/QĐ-HĐQT ngày 24/4/2024) + Công ty VTHN đã ký hợp đồng thuê tư vấn lập Báo cáo NCKT dự án. + Bố trí vốn 400 triệu đồng thực hiện bước chuẩn bị đầu tư. + Dự án tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo.
II. Công ty VTSG trước đây			20 400	18 900		
9	Đầu tư mới 02 Máy siêu âm dò tìm khuyết tật kim loại	• Đầu tư mới 02 máy siêu âm dò tìm khuyết tật kim loại, máy mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau tại các nước G7, với các thông số kỹ thuật cơ bản: - Hiện thị: Màn hình LCD, độ phân giải $\geq 640 \times 480$ pixels. - Ngôn ngữ: Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh. - Đầu dò BNC hoặc LEMO1; - Lưu dữ liệu ≥ 50000 IDs; Bộ nhớ ngoài: $\geq 2G$; kết nối ngoài: cổng USB. - Pin sạc: lithium-ion, có thời gian sử dụng $\geq 10h$. - Nguồn điện sử dụng: 220VAC, 50Hz. - Chuẩn bảo vệ: $\geq IP 65$.	800	800	XNTX Sài Gòn & XNTX Đà Nẵng (nay là CN Toa xe Sài Gòn và CN Toa xe Đà Nẵng)	Duyệt QĐ đầu tư số 618/QĐ-VTSG ngày 03/10/2024, đang làm thủ tục đấu thầu

		- Nhiệt độ làm việc: 0-50oC. - Bộ phát xung (Pulser): + Xung vuông hoà âm: PRF 10Hz-2000Hz; + Năng lượng phát 100, 200, 300, 400V; + Độ rộng xung 30µs-10.000µs (0.1Mhz); + Dập âm 50, 100, 200, 400Ω; - Gain: 0-110 dB. - Dải tần: 02,MHz-26.5MHz tại -3 dB. - Dải đọc kỹ thuật số:(0,2-10MHz, 2.0-21.5MHz, 8.0-26.5MHz, 0,5-4MHz, 0.2-1.2MHz, 1.5-15MHz, DC-10MHz). - Biên độ xung : 0...110% cả màn hình, độ phân giải 0,25 %. - Phụ kiện kèm theo: + 01 bộ đầu dò thẳng, tần số 4 MHz, kích thước biến từ 10mm. + 03 bộ đầu dò góc: 45 độ, 60 độ và 70 độ, tần số 4 MHz, kích thước biến từ 8x9mm. + 01 nệm tạo góc 3o. + 02 bộ cáp kết nối giữa máy và đầu dò L1CL -74-2M. + 01 bộ mẫu chuẩn để hiệu chuẩn thiết bị và 01 bộ thẻ nhớ ≥ 2GB; 01 sạc pin.				
10	Đầu tư mới 01 máy nén khí	Công suất: 75 HP (55kW) - Lưu lượng khí nén: > 9 m3/phút - Nhiệt độ môi trường: 0 ÷ 45°C - Điện áp: 380V/3Pha/50 Hz - Khởi động: Sao - Tam giác - Màn hình điều khiển: LED kỹ thuật số. - Kiểu làm mát: Giải nhiệt gió. - Áp lực làm việc: 9 ÷ 12 kg/cm2	700	700	XNTX Sài Gòn (nay là CN Toa xe Sài Gòn)	Duyệt QĐ đầu tư số 600/QĐ-VTSG ngày 30/9/2024, đang làm thủ tục đấu thầu

11	Đầu tư mới 01 Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	Phục vụ công tác sửa chữa toa xe XNTX Đà Nẵng, xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, thủ tục cấp phép trước khi xả thải ra môi trường theo quy định của Tp. Đà Nẵng	900	900	XNTX Đà Nẵng (nay là CN Toa xe Đà Nẵng)	Giao XNTX Đà Nẵng ký hợp đồng thuê tư vấn lập báo cáo đầu tư, trình các cơ quan chức năng thẩm định theo VB số 620 /VTSG-KHĐT ngày 13/5/2024 của Công ty VTSG. Đơn vị đang thực hiện dự kiến T11/2024 trình duyệt.
12	Hoán cải, cải tạo 08 toa xe khách	Bổ sung toa xe cho các ram tàu chất lượng cao, nâng cao chất lượng Phục vụ HK (hoán cải 06 toa xe khách B80 thành AnL28) và hoán cải 02 toa xe C thành 02 toa xe nhiệm sở phục vụ công tác cứu viện	13 500	12 000	XNTX Sài Gòn (nay là CN Toa xe Sài Gòn)	- Dự án: + Công ty VTSG đã phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định số 564/QĐ-VTSG ngày 2/8/2024); + Công ty VTSG đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 571/QĐ-VTSG ngày 09/9/2024. + bổ sung vốn khấu hao TSCĐ năm 2025: 1 tỷ 500 triệu đồng
13	Nâng cấp cải tạo 02 toa xe C thành 02 toa xe giả cổ	Nâng cấp, cải tạo 02 toa xe C thành 02 toa xe giả cổ chạy tàu Đà Lạt - Trại Mát, bổ sung toa xe cho chạy tàu Du lịch Đà Lạt - Trại Mát để phát triển Du lịch	4 500	4 500	XNTX Sài Gòn (nay là CN Toa xe Sài Gòn)	Triển khai thực hiện theo VB số 620 /VTSG-KHĐT ngày 13/5/2024 của Công ty VTSG. Đơn vị tư vấn đã khảo sát trong tháng 10/2024 xong thiết kế ý tưởng, Dự kiến T11/2024 ký hợp đồng thiết kế chi tiết, T12/2024 phê duyệt và triển khai các thủ tục thi công.
Cộng các dự án chuyển tiếp (I+II)			203 790	24 210		

III. Dự án đầu tư mới			40 000	225		
14	Thay thế và cải tạo nội thất toa xe khách chạy trên tuyến Hà Nội - Hải Phòng	Sử dụng 20 toa xe khách TH1/TH2 để thay thế và cải tạo nội thất chuyển thành toa xe khách A56/A30-A48, trong đó: - Thay thế và cải tạo nội thất 18 toa xe khách TH2 chuyển thành toa xe A56; - Thay thế và cải tạo nội thất 02 toa xe khách chuyển thành toa xe khách A30-A48	40 000	225	Chi nhánh Toa xe Hà Nội	
Tổng cộng (I+II+III)			243 790	24 435		

Thay

Phụ lục số 02

CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN XÃ HỘI HÓA NĂM 2024 (Tháng 11 + 12)
 (Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Khối lượng	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Vốn xã hội hóa (triệu đồng)	Ghi chú
I. Công ty VTHN			61 800	61 800	
1	Cải tạo, nâng cấp toa xe khách khai thác tuyến HN- Vinh	Cải tạo, nâng cấp 02 toa xe An28 ĐHKK	3 100	3 100	- Công ty cổ phần Goldfield VINA đầu tư 100% vốn - Ngày 21/10/2024 đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21.10/2024/HĐHTKD-VTHN-VINA với Công ty VTHN
2	Cải tạo, nâng cấp toa xe khách khai thác tuyến HN-LC	- Cải tạo, nâng cấp 04 toa xe, trong đó: + 02 toa xe, mỗi toa xe có 04 khoang ngủ cao cấp + 02 toa xe, mỗi toa xe có 07 khoang ngủ (02 khoang 02 giường + 05 khoang 4 giường có thể gấp thành 02 giường)	4 200	4 200	- Công ty CP Du lịch Chapa đầu tư 100% vốn - Ngày 15/4/2024 đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14.5/2024/HĐHTKD/VTHN-CHAPA.

3	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp toa xe khách hợp tác kinh doanh vận chuyển khách du lịch tuyến Hà Nội - Vinh	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp 06 toa xe khách	9 000	9 000	- Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Sông Lam đầu tư 100% vốn - Ngày 18/10/2024 đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18.10/2024/HĐHTKD-VTHN-SL.
4	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp toa xe khách hợp tác kinh doanh vận chuyển khách du lịch tuyến Bắc - Nam	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp 12 toa xe khách	24 000	24 000	- Công ty TNHH Du lịch PYS đầu tư 100% vốn - Ngày 14/10/2024 đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14.10/2024/HĐHTKD-VTHN-PYS.
5	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp toa xe khách hợp tác kinh doanh vận chuyển khách du lịch tuyến Hà Nội-Đồng Đăng	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp 07 toa xe A2 tầng	21 500	21 500	- Công ty CP Du lịch Dịch vụ Thương mại BHL đầu tư 100% vốn. - Ngày 31/7/2024 đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14.10/2024/HĐHTKD-VTHN-BHL.
6	Hoán cải, cải tạo toa xe khách hợp tác kinh doanh vận chuyển hành khách tuyến Hà Nội-Lào Cai và Hà Nội-Đà Nẵng	Sử dụng 08 toa xe khách có chất lượng nội thất cũ, lạc hậu để hoán cải, cải tạo thành toa xe giường mềm điều hòa không khí có nội thất đồng bộ và hiện đại.	10 800	10 800	- Công ty CP Du lịch Chapa đầu tư 100% vốn. - Thời gian hợp tác kinh doanh: 05 năm.
7	Hoán cải, cải tạo và nâng cấp toa xe khách hợp tác kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên các tuyến đường sắt.	Sử dụng 30 toa xe khách có chất lượng nội thất cũ, lạc hậu để hoán cải, cải tạo thành toa xe giường mềm điều hòa không khí có nội thất đồng bộ và hiện đại.	45 000	45 000	Hợp tác với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành.

8	Đóng mới toa xe hàng	100 toa xe hàng	150 000	150 000	Mời các đối tác trong và ngoài ngành đường sắt đầu tư
II. Công ty VTSG			0	0	
Tổng cộng (I+II)			267 600	267 600	

Phụ lục số 03

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024 (Tháng 11+12)
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt			Ghi chú
		Công ty VTHN	Công ty VTSG	Cộng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)
1	Kế hoạch nguồn vốn khấu hao TSCĐ được sử dụng	18 200	16 700	34 900	
1.1	Nguồn trích khấu hao TSCĐ	18 200	16 700	34 900	
2	Kế hoạch sử dụng vốn khấu hao TSCĐ	8 607	26 068	34 900	
2.1	Trả nợ các dự án vay vốn	3 297	7 168	10 465	Phụ lục số 04
2.2	Các dự án đầu tư chuyển tiếp từ Công ty CP VTĐS Hà Nội và Công ty CP VTĐS Sài Gòn sang Công ty CP VTĐS	5 310	18 900	24 210	Phụ lục số 01
2.3	Các dự án đầu tư mới năm 2024 (tháng 11+ tháng 12)			225	Phụ lục số 01
2.4	Dự phòng vốn cho dự án	0	0	0	
3	Kế hoạch danh mục dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn xã hội hóa	267 600	0	267 600	Phụ lục số 02

Handwritten signature/initials

Phụ lục số 04

KẾ HOẠCH TRẢ NỢ GỐC VỐN VAY CÁC DỰ ÁN NĂM 2024 (Tháng 11+12)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt		
		Công ty VTHN	Công ty VTSG	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)
1	Dự án: Cải tạo, nâng cấp 30 toa xe khách	1 791	0	1 791
2	Dự án: Đóng mới 100 toa xe H	1 506	0	1 506
3	Dự án Đầu tư mới 30 toa xe khách 2016 (Quyết toán 297,059 tỷ đồng- vay 176 tỷ trong 15 năm)		1 970	1 970
4	Dự án Đầu tư mới 30 toa xe khách 2017 (Q/toán 292,035 tỷ đồng - vay 219,580 tỷ trong 15 năm)		2 447	2 447
5	Dự án Đầu tư mới 50 toa xe hàng Mc năm 2018 (QT 54,052 tỷ - vay 43,5346 tỷ trong 15 năm)		501	501
6	Dự án Đầu tư mới 30 toa xe khách 2018-2020 (QT 282,348 tỷ - vay 195,444 tỷ trong 15 năm)		2 250	2 250
	Tổng cộng	3 297	7 168	10 465

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính
giai đoạn từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt.

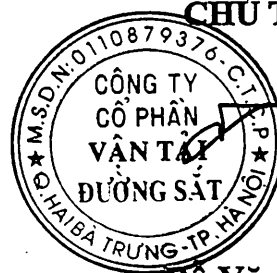
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

Triển khai thực hiện quy định của Nhà nước về việc kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hằng năm đối với công ty đại chúng qui mô lớn. Để đảm bảo tiến độ công khai và nộp các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2024 của Bộ tài chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn gồm:

- + Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
 - + Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
 - + Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (nay là Công ty TNHH Kiểm toán NVA);
 - + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét !

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

*(V/v Thông qua mức lương và thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát tháng 11+ 12 năm 2024)*

Kính thưa Quý cổ đông,

Theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt, căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận tháng 11, 12 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức lương và thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt tháng 11, 12 năm 2024 như sau:

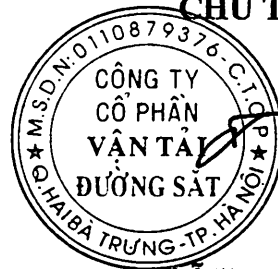
Tổng cộng quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị (05 người), Ban Kiểm soát (03 người) là 323.430.000 đồng/năm.

(Ba trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng/ 2 tháng)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chi trả cho từng cá nhân theo Quy chế trả lương, thù lao của Người quản lý Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT DỰ THẢO
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY,
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

Kính thưa quý cổ đông!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng Khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng Dự thảo Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung 02 bản Dự thảo nêu trên đã được đăng trên website của Công ty từ ngày 19/11/2024 để tất cả các Quý cổ đông nghiên cứu

Về nội dung cơ bản của 02 bản Dự thảo

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Quy chế quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi đạo đức, nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Quy chế quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo bảo toàn phát triển vốn của Công ty.

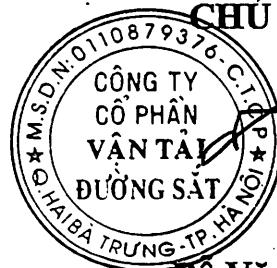
Kính thưa quý Cổ đông

Kính thưa quý vị đại biểu

Trên đây là các nội dung cơ bản của bản Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Hoan

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ - HĐQT ngày tháng năm 2024
của Hội đồng quản trị Công ty)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) “*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) “*Công ty*” là Công ty cổ phần Vận tải đường sắt;

e) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) “*Quy chế*” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

h) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;

i) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

l) “Người điều hành Công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

m) “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

n) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ công ty) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, luật Doanh nghiệp hoặc luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt VN.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng

cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp Nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một số đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của đối tượng này.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 luật Doanh nghiệp.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm số đa trong tiểu ban và một số các thành viên này được bổ nhiệm là Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu

tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phái có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt bao gồm 7 chương 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Hoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ - HĐQT ngày tháng năm 2024
của Hội đồng quản trị Công ty)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải đường sắt
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần
Vận tải đường sắt;*

*Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần vận tải đường sắt bao gồm
các nội dung sau:*

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty bao gồm những nội dung chính sau:

a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;

d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng

quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Quản trị công ty: là hệ thống các nguyên tắc bao gồm:

- a) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- b) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- c) Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- d) Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- e) Minh bạch trong hoạt động của công ty;

2. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 luật Chứng khoán năm 2019.

3. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định.

4. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

5. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí người điều hành theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

6. “Người phụ trách quản trị công ty” là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy chế này.

7. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 luật doanh nghiệp , khoản 46 Điều 4 luật chứng khoán

II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.

đ. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy bỏ quyết định đó theo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 5. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết.

Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền của các cổ đông được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.

3. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên

quan đến báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

4. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

5. Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật.

6. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Công ty.

Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản, gồm:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại giải thể Công ty

7. Công ty phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

d. Cách thức bỏ phiếu;

e. Cách thức kiểm phiếu;

f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

g. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

- h. Cách thức yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- i. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
- j. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải đảm bảo công bố thông tin và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm lưu ký Chứng khoán thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách.

Điều 7. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội, chương trình họp và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định phù hợp với Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo này được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng tin trên website của công ty.

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho cổ đông theo một trong các cách hoặc đồng thời các cách sau:

- Được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
- Được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử của cổ đông trong trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.
- Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo sẽ được gửi thông qua mạng thông tin nội bộ của Công ty. Các trưởng phòng ban/bộ phận có trách nhiệm nhận thông báo, in và gửi thông báo mời họp cho các cổ đông đó.

b. Thời gian gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và việc cung cấp các tài liệu liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện theo các cách sau: gọi điện thoại hoặc gửi thư đăng ký (theo mẫu của Công ty) bằng cách chuyển

tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư điện tử tới địa chỉ Công ty thông báo.

2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký tham dự cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

3. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông, muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Mỗi thẻ biểu quyết hoặc mỗi nội dung trong phiếu biểu quyết chỉ được thực hiện một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín (bầu cử): Khi tiến hành đăng ký cổ đông hoặc trước khi biểu quyết thông qua vấn đề, công ty sẽ cấp Phiếu bầu cử cho từng cổ đông hoặc đại diện được Ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó có ghi họ và tên của cổ đông; số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và nội dung bầu cử.

3. Thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ phải hội đủ các điều kiện sau:

- Theo mẫu quy định do Công ty phát cho Cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Được thực hiện theo đúng quy định về biểu quyết/bầu cử của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội sẽ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu vào Ban kiểm phiếu và người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá năm (05) người. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa có thể huy động một số thành viên để hỗ trợ công tác thu thẻ biểu quyết của cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi kết thúc biểu quyết tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm đếm tổng số cổ phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

3. Việc kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu phải được thực hiện độc lập và trung thực. Những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu.

4. Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín (bầu cử): các cổ đông sẽ bỏ phiếu vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại một phòng riêng dưới sự giám sát. Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban kiểm phiếu không được gạch, xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

5. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

6. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản phải ghi rõ:

- Tổng số phiếu phát ra, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- Tổng số phiếu thu vào, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- Số phiếu hợp lệ/không hợp lệ
- Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề phải ghi rõ: Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội; Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội; Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không có ý kiến, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội;
- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

1. Trường hợp biểu quyết công khai tại Đại hội: kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề được biểu quyết được Ban kiểm phiếu chuyển đến Chủ tọa để công bố hoặc cử đại diện Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết về vấn đề đó hoặc trước khi bế mạc Đại hội theo quyết định của Chủ tọa.

2. Trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín: Chủ tọa công bố hoặc cử đại diện

Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được lập theo quy định tại Điều 22 Điều lệ của Công ty.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được lưu trữ theo các quy định của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc

3. . Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Các bản ghi chép, biên bản, biên bản kiểm phiếu, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 13. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội bằng một trong các cách thức: chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư điện tử tới địa chỉ đăng ký của cổ đông hoặc đăng trên website của công ty với điều kiện đảm bảo cổ đông có thể nhận được.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của công ty đồng thời phải công bố thông tin thông qua Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán theo đúng quy định của luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cách thức yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau;

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai

Điều 16. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung như sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Tư cách và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
2. Có sức khỏe, trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ;
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và của cổ đông.

Điều 18. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của công ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, bao gồm:

- a. Văn bản đề cử/ứng cử;
- b. Thông tin của người ứng cử/đề cử, gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;
- Các thông tin khác (nếu có).

c. Văn bản cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

Điều 19. Cách thức bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số

cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai thành viên Hội đồng quản trị có tỷ lệ phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức lấy biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty.

3. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 21. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và Công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện

mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật;

7. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thông báo họp hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo các quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

Thông báo mời họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Điều 23. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Điều kiện để tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 8 Điều 29 của Điều lệ Công ty.

2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

4. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết

một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

5. Thành viên hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

6. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Điều 24. Hình thức tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc hình

thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết, rõ ràng. Nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị phải tuân theo các quy định của Điều lệ Công ty. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo trên Website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 27. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.

1. Số lượng thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người trong đó thành viên Hội đồng quản trị không điều hành làm Trưởng tiểu ban. Các thành viên khác là các cán bộ thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

2. Thành viên các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị phải là người có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp theo từng tiểu ban.

3. Trưởng tiểu ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong tiểu ban. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;
b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động;

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Thư ký Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết để hỗ trợ cho hoạt động Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thư ký Công ty có trách nhiệm lưu trữ và quản lý các hồ sơ/tài liệu sau:

a. Tài liệu của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;

b. Hồ sơ của Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Tài liệu họp Hội đồng quản trị
- Các báo cáo của Hội đồng quản trị

c. Các hồ sơ/tài liệu khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban Kiểm soát.

Điều 31. Tiêu chuẩn của kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 32. Cách thức bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức lấy biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Các trường hợp Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 37 Điều lệ công ty.

3. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi

nhiệm Kiểm soát viên theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Bộ máy quản lý quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý, tổ chức cán bộ của Công ty.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty,

f) Tuyển dụng lao động;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

7. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 35. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Công ty có trách nhiệm công bố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ Công ty, thông báo cho cơ quan liên quan, thực hiện công bố thông tin trên Website của Công ty và công bố theo trình tự và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc có thể thảo luận trong cuộc họp nhưng không tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho trưởng Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết

quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc điều hành sẽ có văn bản báo cáo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 37. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản trị điều hành;

b. Có vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết.

Điều 38. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc báo cáo phải được thực hiện định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) Ban Tổng giám đốc phải tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc.

Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.

Điều 40. Các vấn đề Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty

theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được làm bằng văn bản có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tổng giám đốc điều hành phải cung cấp văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, 6 tháng, năm và khi yêu cầu);

b. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty (theo định kỳ hàng quý, 06 tháng và năm và khi yêu cầu);

c. Kiến nghị số lượng và nhân sự cán bộ quản lý mà Công ty cần, để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý và tham mưu để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Trình Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào quý IV hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty.

3. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay sau khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

a. Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c. Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Có quyết định của cơ quan thuế về việc

vi phạm pháp luật thuế.

4. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo kịp thời với Hội đồng quản trị công ty khi Công ty hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán.

Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, email, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát sẽ không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.

3. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại, email hoặc phương tiện thông tin liên lạc khác) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

VII. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 42. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 43. Thực hiện quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình như sau:

1. Đại diện cho Công ty ký kết hồ sơ, giấy tờ, tài liệu của Công ty;

2. Đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch của Công ty;
3. Đại diện cho Công ty trong các giao dịch với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân khác để giải quyết các công việc của Công ty;
4. Đại diện cho Công ty để phát ngôn và công bố thông tin về các vấn đề thuộc thẩm quyền;
5. Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại các cơ quan tố tụng và trọng tài.

VIII. ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 44. Đánh giá hoạt động đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Hàng năm căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác; Ban kiểm soát tổ chức đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên.

2. Quá trình đánh giá phải khách quan và trung thực trong quá trình đánh giá, bằng chứng của kết quả đánh giá phải được chuyển đến các thành viên liên quan.

3. Tiêu chí đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a. Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường.
- b. Mức độ hoàn thành công tác được giao theo phân công;
- c. Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian thực hiện đánh giá.
4. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a. Khả năng điều hành, quản trị;
- b. Hiệu quả kinh doanh;
- c. Thái độ của cán bộ quản lý;
- d. Số lần vi phạm kỷ luật.

5. Việc đánh giá hoạt động có thể được tiến hành theo một trong các phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn tùy từng thời điểm.

Điều 45. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Tổng giám đốc có thẩm quyền biểu quyết định khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

3. Hàng năm căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất khen thưởng đối với cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Hình thức khen thưởng:

- a. Bằng khen;
- b. Bằng tiền;
- c. Hình thức khác.

Nguồn khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng công ty và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động từng năm để xây dựng mức khen thưởng hợp lý.

Điều 46. Xử lý vi phạm

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu:

- a. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình;
- b. Lạm dụng quyền hành, chức năng ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty;
- c. Có hành vi trục lợi cá nhân trong quá trình hoạt động và thực hiện những công tác được phân công;
- d. Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo yêu cầu luật định và quy chế công bố thông tin;
- e. Các trường hợp khác theo quy định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm.

4. Các hình thức xử lý vi phạm:

- a. Xử lý kỷ luật lao động;
- b. Bãi nhiệm, miễn nhiệm;
- c. Truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

d. Hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Ngoài việc áp dụng hình thức xử lý kỷ luật, các cá nhân vi phạm phải hoàn trả lại khoản lợi ích mà bản thân họ hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền, hành vi trục lợi cá nhân, hoặc phải bồi thường khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vi phạm pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền mà cá nhân đó đã thực hiện.

IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng gây ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 48. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các nội dung công bố tối thiểu như sau:

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
- d. Thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- e. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc, cổ đông lớn và các giao dịch khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng trên;
- f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tham gia đào tạo về quản trị công ty.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về

tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 49. Tổ chức công bố thông tin

Công ty tổ chức công bố thông tin có trách nhiệm:

- a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- b. Cử ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin và công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

X. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 50. Chế độ giám sát

Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật.

Điều 51. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 10 chương 51 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải đường sắt nhất trí thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Công ty cổ phần vận tải đường sắt.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý, các cổ đông của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty trị xem xét và quyết định.

Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến quản trị Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng đối với quản trị nội bộ của Công ty./.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Hoan

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 12 năm 2024

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

Kính thưa quý cổ đông,
Kính thưa quý vị đại biểu,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

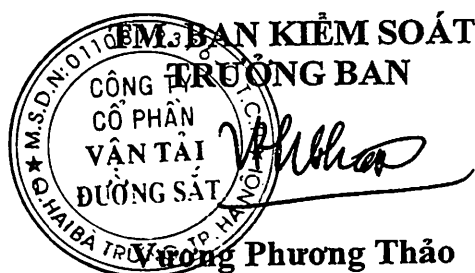
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt, Ban Kiểm soát đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung của bản Dự thảo đã được đăng trên Website của Công ty để các quý cổ đông biết và nghiên cứu.

Về nội dung cơ bản của bản Dự thảo, Ban Kiểm soát xin phép được tóm tắt những nội dung cơ bản của bản Dự thảo, gồm: Quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trên đây là Tờ trình tóm tắt các nội dung cơ bản của bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải đường sắt.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua./.



(DỰ THẢO)

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKS ngày tháng 12 năm 2024
của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải đường sắt)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) “*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*” (Sau đây gọi tắt là *Tổng công ty*) là công ty mẹ trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty Nhà nước thành công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;

đ) “*Công ty*” là Công ty cổ phần Vận tải đường sắt;

e) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt;

g) "*Quy chế*" là Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải đường sắt;

h) "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;

i) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương*) lần đầu;

l) "*Người điều hành Công ty*" là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

m) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

n) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp/khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) "*Người có quan hệ gia đình*" bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (*Chương, Điều của Quy chế này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác sẽ có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty, đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi, nhiệm vụ được giao, không trùng lặp về phạm vi, nội dung, đối tượng, thời gian kiểm tra, thanh tra giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền.

2. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cá nhân phụ trách. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả lại cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên gồm một (01) Trưởng ban Kiểm soát và hai (02) thành viên Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có ít nhất hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên bầu bổ sung đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

4. Nếu vì một lý do nào đó số thành viên của Ban Kiểm soát không đảm bảo số lượng thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của pháp luật (*Là 03 Kiểm soát viên*), Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên vắng mặt phải thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ báo cáo, công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty. Đồng thời Trưởng ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát để đảm bảo số lượng thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu luôn là ba (03) thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

6. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quy chế quản lý cán bộ của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được

công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.

Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông/nhóm cổ đông, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công

ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát.

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;
6. Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với Quyết nghị của Hội đồng quản trị Công ty;
7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu luôn là ba (03) thành viên;
8. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 09. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất

cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 06 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (Nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu

của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty khi cần để thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

14. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

15. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

16. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Các tài liệu và thông tin sau phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật (*Dưới 03 thành viên*).

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 15. Trách nhiệm pháp lý của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

2. Đối tượng chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát.
- 2.1. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong quản lý Công ty.
- 2.2. Các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành.
- 2.3. Các chứng từ, sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty do Kế toán trưởng, Tổng Giám đốc duyệt và trình Hội đồng quản trị.

Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương IV BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

1. Tiền lương, Thù lao, thưởng, ngân sách hoạt động hàng năm và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các Kết luận, Kiến nghị của Ban Kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty.
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được

thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và chi phí hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng chi phí hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố

thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

- Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành.

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải đường sắt bao gồm sáu (06) Chương, hai mươi lăm (25) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vương Phương Thảo